

TRƯỜNG THCS CHÂU VĂN LIÊM**Khối 8- Tuần 1 Từ (6/9-11/9/2021)****Môn Lịch Sử**

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC (Tuần 1)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	LỚP 8 PHẦN MỘT: LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI TỪ GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN NĂM 1917 CHƯƠNG I: THỜI KÌ XÁC LẬP CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN (TỪ GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN NỬA SAU THẾ KỈ XIX) BÀI 1: NHỮNG CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN ĐẦU TIÊN
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	- HS đọc SGK Lịch sử lớp 8 của NXBGD. 1/ Mục tiêu bài học - Hiểu rõ nguyên nhân sâu xa của những cuộc cách mạng tư sản đầu tiên là một nền sản xuất mới ra đời đã dẫn đến những mâu thuẫn mới trong xã hội ở châu Âu và Bắc Mỹ vào cuối thời trung đại. - Nắm được nguyên nhân trực tiếp, diễn biến, tính chất, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Hà Lan giữa thế kỉ XVI, Cách mạng Anh giữa thế kỉ XVII, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ và việc thành lập Hợp chúng quốc Mỹ. - Biết giải thích các khái niệm mới. - Nhận thức rõ vai trò của quần chúng nhân dân trong các cuộc cách mạng tư sản. - Biết đánh giá cách mạng tư sản đã làm thay đổi bộ mặt xã hội và có mặt tiến bộ nhưng vẫn là chế độ bóc lột thay thế chế độ phong kiến. - Rèn luyện kĩ năng sử dụng bản đồ, tranh ảnh lịch sử. - Biết phân tích, so sánh... sự kiện lịch sử. 2/ Cách học * Mục I: - Tìm hiểu sự xuất hiện các công xưởng, các thành thị để thấy được sự ra đời của nền sản xuất mới ở Tây Âu và cùng với đó là những chuyển biến về mặt xã hội. - Vì sao có cuộc đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan chống lại sự thống trị của Tây Ban Nha và vì sao cuộc đấu tranh đó được xem là cuộc cách mạng tư sản đầu tiên trên thế giới. * Mục II:

	- Tìm hiểu những biểu hiện chứng tỏ vào đầu thế kỉ XVII chủ nghĩa tư bản đã phát triển ở Anh. - Nhận biết được nét diễn biến chính và đánh giá được vai trò của Crôm-oen trong quá trình cách mạng. - Để đánh giá những hạn chế của Cách mạng tư sản Anh, các em hãy suy nghĩ xem cuộc Cách mạng tư sản Anh đã mang lại quyền lợi cho giai cấp nào, giai cấp nào không được hưởng chút quyền lợi gì ? * Mục III: - Tìm hiểu nguyên nhân sâu xa, biết được nguyên nhân trực tiếp của chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ. - Ghi nhớ qua trình từng bước đấu tranh của nhân dân 13 thuộc địa. - Nêu được kết quả và ý nghĩa cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ ; lí giải tại sao cuộc Chiến tranh giành độc lập có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản... 3/ Một số khái niệm, thuật ngữ: - Quý tộc mới: Những quý tộc phong kiến đã tư sản hoá, kinh doanh theo kiểu tư bản chủ nghĩa, như thuê công nhân nông nghiệp, mở công xưởng... để sản xuất hàng hoá, kinh doanh thương nghiệp, chứ không bóc lột tô, bắt lao dịch như trước... Xuất hiện ở châu Âu vào thế kỉ XVI, mạnh nhất ở Anh, là một lực lượng quan trọng lãnh đạo Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII. - Cách mạng tư sản: Cuộc cách mạng do giai cấp tư sản lãnh đạo, nhằm đánh đổ nền chuyên chế phong kiến, thiết lập nền thống trị của giai cấp tư sản, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Cách mạng tư sản còn do giai cấp phong kiến tiến hành để tránh sự khủng hoảng của chế độ phong kiến, mở đường cho sự phát triển tư bản chủ nghĩa. Lực lượng chủ yếu đưa cách mạng tư sản đến thắng lợi là nhân dân lao động. Song thành quả cách mạng lại rơi vào tay giai cấp tư sản. Tuy có nhiều hình thức diễn ra cuộc cách mạng tư sản, nhưng bản chất vẫn là một: phá vỡ các ngăn cản của chế độ phong kiến để chủ nghĩa tư bản thắng lợi và phát triển. - Cộng hoà: Thể chế chính trị của một nước không có vua đứng đầu nhà nước, mà do đại biểu được nhân dân bầu ra cầm quyền (bằng phổ thông đầu phiếu hay một số người đại diện). - Cộng hoà tư sản: Hình thức cầm quyền của giai cấp tư sản, người đứng đầu nhà nước do bầu cử và phục vụ cho quyền lợi của tư sản. - Quân chủ lập hiến: Chế độ chính trị của một nước trong đó quyền lực của vua bị hạn chế bằng một hiến pháp do Quốc hội (tư sản) định ra.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP TRONG SGK Câu 1: <i>Vì sao cách mạng Hà Lan thế kỉ XVI được xem là cuộc cách mạng tư sản đầu tiên trên thế giới?</i>

	Câu 2: Sự phát triển về kinh tế đã làm xã hội Anh biến đổi ra sao? Câu 3: Tại sao Cách mạng Anh là cuộc cách mạng không triệt để? ? Ý nghĩa cuộc cách mạng? Câu 4: Giữa thế kỉ XVIII, kinh tế 13 thuộc địa phát triển như thế nào? ? Vì sao mâu thuẫn giữa thuộc địa và chính quốc nảy sinh? Câu 5: Cuộc chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Bắc Mỹ đã đạt được kết quả gì?
--	--

1. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi bài và các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Lịch sử	Mục I: Phần II:	1. 2. 3.

Bài 1: NHỮNG CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN ĐẦU TIÊN

I. SỰ BIẾN ĐỔI VỀ KINH TẾ-XÃ HỘI TÂY ÂU TRONG CÁC THẾ KỶ XV-XVII. CÁCH MẠNG HÀ LAN THẾ KỶ XVI

1. Một nền sản xuất mới ra đời (đọc thêm)

2. Cách mạng Hà Lan thế kỷ XVI

a. Nguyên nhân:

- Phong kiến Tây Ban Nha kìm hãm sự phát triển của CNTB ở Nê-đéc-lan.
- Chính sách cai trị hà khắc của phong kiến Tây Ban Nha làm tăng thêm mâu thuẫn dân tộc.

b. Diễn biến:

- Nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan chống lại chính quyền phong kiến Tây Ban Nha đã diễn ra, đỉnh cao là năm 1566.
 - Năm 1581, các tỉnh miền Bắc Nê-đéc-lan đã thành lập “Các tỉnh liên hiệp” (sau là Cộng hòa Hà Lan).
 - Năm 1648, chính quyền Tây Ban Nha công nhận nền độc lập của Hà Lan.
- ➔ Hà Lan được giải phóng.

c. Ý nghĩa: là cuộc cách mạng tư sản đầu tiên trên thế giới, lật đổ ách thống trị của thực dân Tây Ban Nha, mở đường cho CNTB phát triển

II. CÁCH MẠNG ANH THẾ KỶ XVII

1. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Anh

- Nhiều công trường thủ công, nhiều trung tâm thương mại, tài chính được hình thành.

- Nhiều quý tộc phong kiến đã chuyển sang kinh doanh theo con đường tư bản. Họ trở thành tầng lớp quý tộc mới.
- Chế độ phong kiến kìm hãm giai cấp TS và quý tộc mới phát triển theo con đường tư bản => cách mạng bùng nổ.

2. *Tiến trình cách mạng (đọc thêm)*

3. *Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII*

- Cuộc CMTS Anh do tầng lớp quý tộc mới liên minh với giai cấp TS lãnh đạo, được đông đảo quần chúng hưởng ứng đã giành được thắng lợi, đưa nước Anh phát triển theo con đường TBCN
- Là cuộc CM không triệt để vì không mang lại quyền lợi cho nhân dân.

III. CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC THUỘC ĐỊA ANH Ở BẮC MỸ

1. *Tình hình các thuộc địa. Nguyên nhân của chiến tranh*

* *Tình hình thuộc địa :*

- Đến XVIII Thực dân Anh đã thành lập 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ và tiến hành chính sách cai trị, bóc lột

* *Nguyên nhân của chiến tranh :*

- Giữa XVIII, nền kinh tế TBCN ở 13 thuộc địa phát triển mạnh, Thực dân Anh tìm cách ngăn cản → mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Bắc Mỹ với Thực dân Anh ngày càng gay gắt.

2. *Diễn biến cuộc chiến tranh (Hướng dẫn HS đọc thêm)*

3. *Kết quả và ý nghĩa cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ*

- Kết quả:

- + Anh thừa nhận nền độc lập của 13 thuộc địa và Hợp chúng quốc Mỹ ra đời
- + 1787 Mỹ Ban hành hiến pháp, qui định Mỹ là nước CHLB, đứng đầu là Tổng thống

- Ý nghĩa:

- + Là cuộc CMTS, cùng một lúc thực hiện được hai nhiệm vụ: Lật đổ ách thống trị của TD Anh và mở đường cho CNTB phát triển
- + Là cuộc CMTS không triệt để

PHIẾU HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ 8 (Tiết 1, 2 – Tuần 1)

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Trong nền sản xuất mới, giai cấp tư sản có đặc điểm nổi bật là:

- A. thế lực kinh tế yếu, bị phong kiến kìm hãm, chèn ép nên càng không phát triển được.
- B. bước đầu có thế lực kinh tế, thường dựa vào đó để củng cố quyền lực chính trị.
- C. có thế lực về kinh tế, nhưng không có quyền lực chính trị.
- D. có quyền lực kinh tế và chính trị.

2. Cách mạng Hà Lan thế kỉ XVI được xem là:

- A. cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.
- B. cuộc đấu tranh thống nhất đất nước.
- C. cuộc cách mạng tư sản đầu tiên trên thế giới.
- D. cuộc cách mạng dân chủ tư sản đầu tiên trên thế giới.

3. Kết quả nổi bật của Cách mạng tư sản Anh là:

- A. lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, mở đường cho CNTB phát triển mạnh mẽ ở Anh.
- B. vẫn duy trì mọi đặc quyền của thế lực phong kiến, đời sống nhân dân không được cải thiện.
- C. nền cộng hoà dân chủ được thiết lập ở Anh.
- D. thế lực của giai cấp tư sản được củng cố, quyền lợi của nhân dân lao động được đảm bảo.

4. Ngày 4 - 7 - 1776 đã xảy ra sự kiện nào?

- A. Chiến tranh bùng nổ giữa Anh và 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ.
- B. Công bố Tuyên ngôn Độc lập của 13 thuộc địa.
- C. Quân đội thuộc địa thắng một trận lớn, tạo ra bước ngoặt của chiến tranh.
- D. 13 thuộc địa ban hành hiến pháp riêng của mình.

Câu 2. Cuộc đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan bùng nổ trong hoàn cảnh nào?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Cuộc Cách mạng tư sản Anh đã đem lại quyền lợi cho giai cấp nào?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4. Hãy trình bày nội dung cơ bản của Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ, qua đó chỉ rõ tính chất tiến bộ của Tuyên ngôn.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Môn Văn 8

Bài 1- Tiết 1+2: TÔI ĐI HỌC

-Thanh Tịnh-

I. Đọc - hiểu chú thích.

A. Tác giả _ Tác phẩm: SGK/ 8

B. Từ khó: SGK/ 8&9

C. Bố cục: 2 đoạn (Xem SGK)

II. Đọc hiểu văn bản

1. Trình tự kỉ niệm của nhân vật tôi.

-Từ những chi tiết về cảnh vật thiên nhiên và con người trong hiện tại mà “Tôi” nhớ về quá khứ.

-Trên con đường đi tới trường cùng mẹ.

-Khi ngồi trong lớp đón giờ học đầu tiên

2. Tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ của nhân vật Tôi.

a/ Khi trên đường cùng mẹ đến trường.

-Con đường quen đi lại nhưng tự nhiên thấy lạ...

-Tôi thấy mình trang trọng và đứng đắn...

-Tôi bặm môi ghì chặt.. cúi xuống đất... Muốn thử sức mình...

-Nhìn thấy trường cao, rộng.. đâm ra lo sợ vẩn vơ...

-Ý nghĩ ngây thơ: Chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước...

b/ Khi nghe gọi tên vào lớp.

-Tôi cảm thấy quả tim tôi như ngừng đập...

-Nghe gọi đến tên, giật mình lúng túng.

-Tôi bất giác quay lưng lại rồi dúi đầu vào lòng mẹ tôi nức nở khóc theo bạn.

-Tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này.

c/ Khi ngồi trong lớp đón giờ học đầu tiên.

-Trông hình gì trên tường cũng lầy lã và hay.

-Lạm nhận bàn ghế là vật riêng của mình.

-Không cảm thấy bạn xa lạ chút nào...

3. Thái độ, cử chỉ của người lớn.

-Ông đốc, thầy giáo và các phụ huynh đều có thái độ hiền lành bao dung, giàu tình yêu thương, quan tâm và lo lắng đến việc học của các em nhỏ.

4. Đặc sắc về nghệ thuật.

-Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh gắn với cảnh sắc thiên nhiên trong sáng, thơ mộng. Có tác dụng diễn tả sinh động tâm trạng và cảm xúc của nhân vật “Tôi” ở những thời điểm khác nhau.

-Kể chuyện ở ngôi thứ nhất, kết hợp hài hòa với miêu tả và bộc lộ cảm xúc.

III. Tổng kết: Ghi nhớ SGK/ 9

Tiết 3: TÍNH THỐNG NHẤT VỀ CHỦ ĐỀ CỦA VĂN BẢN

I. Chủ đề của văn bản.

*Chủ đề của văn bản “Tôi đi học”.

-Những cảm giác náo nức, bồn chồn, mới lạ, hồi hộp của nhân vật “tôi” trong buổi tựu trường đầu tiên.

II. Tính thống nhất về chủ đề của văn bản.

-Tôi đi học là một văn bản có tính thống nhất về chủ đề vì từ đầu đến cuối văn bản (nhân đề, từ ngữ, câu) đều tập trung viết về kỉ niệm buổi tựu trường đầu tiên.

III. Tổng kết: Ghi nhớ (SGK/12).

Tiết 4: BỐ CỤC CỦA VĂN BẢN.

I. Bố cục của văn bản.

Đọc văn bản: “Người thầy đạo cao đức trọng”.

1. Bố cục

* Mở bài: -Giới thiệu người thầy tài đức Chu Văn An.

*Thân bài:

-Kể về tài năng, việc làm của thầy.

-Kể về đạo đức của thầy.

*Kết bài:

-Chu Văn An được thương tiếc và tôn thờ.

2. Các phần trong văn bản có mối quan hệ chặt chẽ.

II. Cách bố trí sắp xếp nội dung phần thân bài của văn bản.

1. Thân bài văn bản “Tôi đi học”:

+ Những cảm xúc của nhân vật tôi trên đường đến trường.

+ Những cảm xúc của nhân vật tôi khi vào lớp học.

= > Được sắp xếp theo trình tự thời gian, không gian.

2. Văn bản “Trong lòng mẹ”:

- Tâm trạng đau xót, phẫn uất trước lời người cô nói.

- Cảm tức những cổ tục.

- Vẫn một lòng yêu thương, kính mến mẹ và vui sướng cao độ khi ở trong lòng mẹ.

3. Trình tự:

-Khi tả người vật, con vật, phong cảnh, người ta thương theo các trình tự: Thời gian, không gian, bao quát => Cụ thể.

4. Cách sắp xếp các sự việc phần thân bài: - Chu Văn An là người có tài cao
- Chu Văn An là người có đạo đức

5. Cách sắp xếp các sự việc phần thân bài:

- Theo mạch cảm xúc.

- Theo diễn biến tâm trạng nhân vật.

- Theo thời gian, không gian, từ bao quát đến cụ thể.

- Nêu các sự việc để thể hiện chủ đề

III. Tổng kết: Ghi nhớ SGK/25

DẶN DÒ

-Học thuộc ghi nhớ trang 9&12.

-Viết bài văn ngắn ghi lại ấn tượng của em trong buổi đến trường khai giảng lần đầu tiên.

Môn Địa 8**Tuần 1: Từ (6/9-11/9/2021)****BÀI 1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN****1. Vị trí địa lí và kích thước của châu lục:**

- Châu Á nằm ở nửa cầu Bắc, là một bộ phận của lục địa Á-Âu
- Châu Á kéo dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích đạo.
- Diện tích 44,4 tr km² -> lớn nhất thế giới.

2. Đặc điểm địa hình và khoáng sản:**a. Đặc điểm địa hình:**

- Nhiều hệ thống núi, sơn nguyên cao, đồ sộ và nhiều đồng bằng rộng
- Các dãy núi chạy theo hai hướng chính: đông-tây và bắc-nam. Địa hình bị chia cắt phức tạp.
- Các núi và sơn nguyên cao chủ yếu ở trung tâm

b. Khoáng sản:

Phong phú: Dầu mỏ, khí đốt, than, sắt, crôm, kim loại màu.

Môn GD&CD 8

CHỦ ĐỀ 1: SỰ TỰ HOÀN THIỆN BẢN THÂN BÀI 10: TỰ LẬP

I. Đặt vấn đề: SGK

II. Nội dung bài học

1. Thế nào là tự lập?

Tự lập là:

- Tự làm lấy, tự giải quyết lấy công việc của mình, tự lo liệu, tạo dựng cho cuộc sống của mình;
- Không trông chờ, dựa dẫm phụ thuộc vào người khác

2. Biểu hiện tự lập

Biểu hiện:

- Sự tự tin bản lĩnh cá nhân trước thử thách, khó khăn;
- Có ý chí, nỗ lực vươn lên trong học tập, trong công việc và trong cuộc sống.

3. Ý nghĩa:

Người có tính tự lập:

- Sẽ thành công trong cuộc sống
- Được mọi người kính trọng.

B. BÀI TẬP VẬN DỤNG

1. Thế nào là tự lập? Nêu 3 việc làm thể hiện tính tự lập của bản thân em?

.....

.....

.....

.....

2. Theo em, để rèn luyện tính tự lập học sinh cần phải làm gì?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Vì sao chúng ta cần phải tự lập?

.....

.....

.....

.....

Bài 1. Vai trò của bản vẽ kỹ thuật trong sản xuất và đời sống

A. Lý thuyết & Nội dung bài học

Trong giao tiếp, con người dùng nhiều phương tiện thông tin khác nhau để diễn đạt tư tưởng, tình cảm và truyền đạt thông tin cho nhau:

- Tiếng nói.
- Cử chỉ.
- Chữ viết.
- Hình vẽ...

I. Bản vẽ kỹ thuật đối với sản xuất:

Trong sản xuất, muốn làm ra một sản phẩm nào đó, trước hết người thiết kế phải diễn tả chính xác hình dạng và kết cấu của sản phẩm, phải nêu đầy đủ các thông tin cần thiết khác như kích thước, yêu cầu kỹ thuật, vật liệu ... Các nội dung này được trình bày theo các quy tắc thống nhất bằng bản vẽ kỹ thuật. Sau đó người công nhân căn cứ theo bản vẽ để tiến hành chế tạo, lắp ráp, thi công.

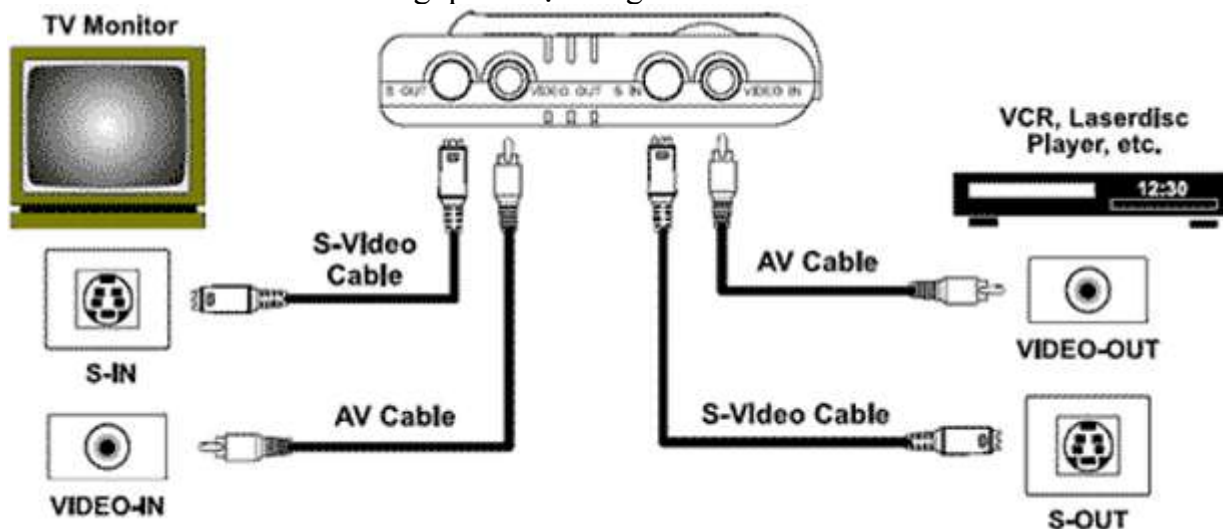
c	Các kĩ sư đang dùng bản vẽ kỹ thuật để trao đổi ý kiến với nhau
a	Các nhân viên đang lập bản vẽ kỹ thuật của sản phẩm
b	Các công nhân đang căn cứ vào bản vẽ kỹ thuật để thi công công trình

II. Bản vẽ kỹ thuật đối với đời sống:

Trong đời sống, để người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm do con người làm ra: đồ dùng điện tử, các loại máy, phương tiện đi lại một cách hiệu quả và an toàn, mỗi chiếc máy hoặc thiết bị phải kèm theo bản chỉ dẫn bằng lời và hình (bản vẽ, sơ đồ ...).

Hãy cho biết ý nghĩa của các hình 1.3a, b trong SGK.

- Hình 1.3a là sơ đồ và mạch điện thực tế.
- Hình 1.3b là cái nhìn tổng quan mặt bằng nhà ở.



III. Bản vẽ dùng trong các lĩnh vực kỹ thuật:

Bản vẽ kỹ thuật liên quan đến nhiều ngành kỹ thuật khác nhau, mỗi lĩnh vực lại có một loại bản vẽ riêng.

Các bản vẽ kỹ thuật được vẽ bằng tay, dụng cụ vẽ hoặc bằng máy tính điện tử.

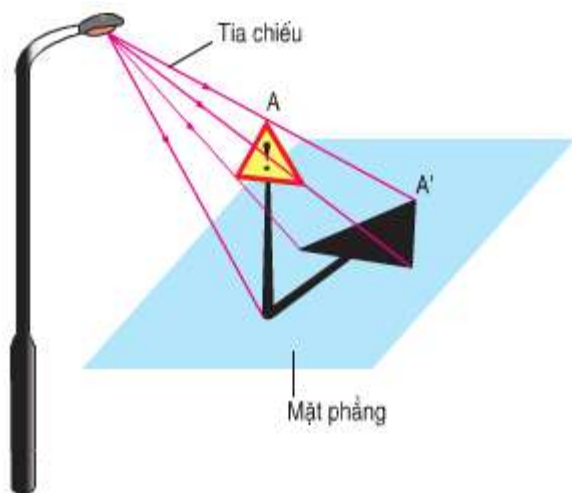
Học vẽ kỹ thuật để ứng dụng vào sản xuất, đời sống và tạo điều kiện học tốt các môn khoa học – kỹ thuật khác.



Học vẽ kĩ thuật để ứng dụng vào sản xuất, đời sống và tạo điều kiện học tốt các môn khoa học – kĩ thuật khác.

Bài 2. Hình chiếu

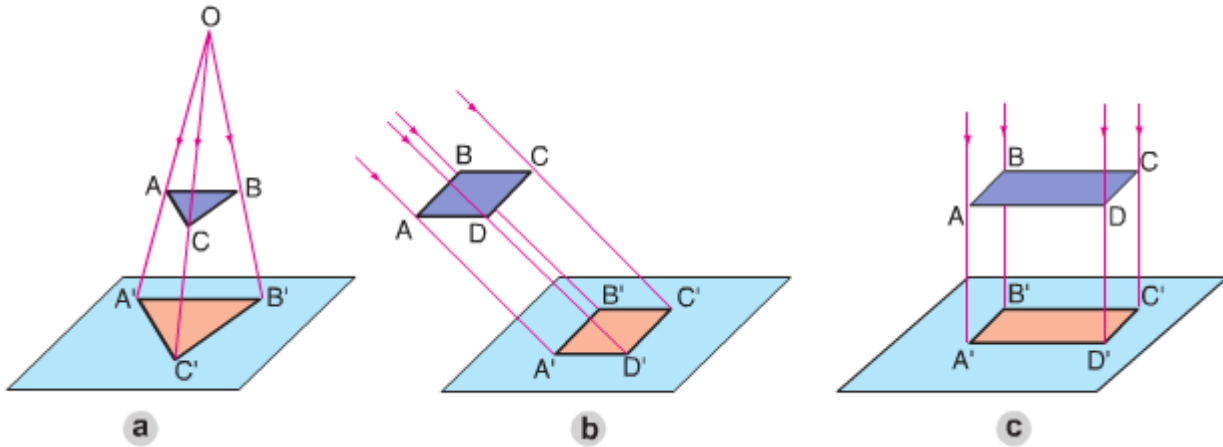
I. Khái niệm về hình chiếu



Hình 1. Hình chiếu của vật thể

- Mặt phẳng chiếu là mặt phẳng chứa hình chiếu của vật thể
 - Điểm A trên vật thể có hình chiếu là điểm A'
 - Tia sáng đi từ nguồn sáng S qua điểm A xuống điểm chiếu A', gọi là tia chiếu SAA'
- => Khái niệm: Hình chiếu của vật thể bao gồm tập hợp các điểm chiếu của vật thể trên mặt phẳng chiếu

II. Các phép chiếu



Hình 2. Các phép chiếu

(a) Phép chiếu xuyên tâm: có các tia chiếu xuất phát từ 1 điểm (tâm chiếu)

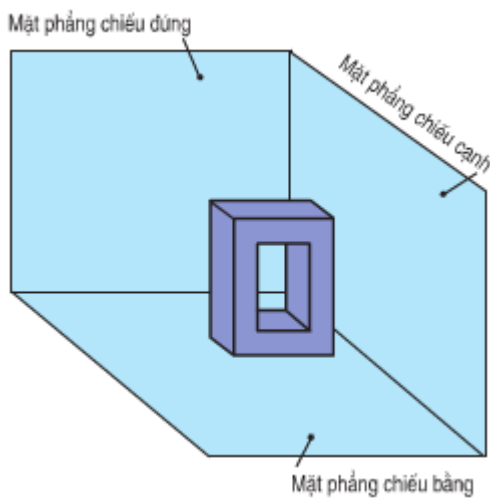
(b) Phép chiếu song song: có các tia chiếu song song với nhau

(c) Phép chiếu vuông góc: có các tia chiếu vừa song song vừa vuông góc với mặt phẳng chiếu

* Lưu ý: Phép chiếu vuông góc là quan trọng nhất dùng để vẽ các hình chiếu vuông góc

III. Các hình chiếu vuông góc

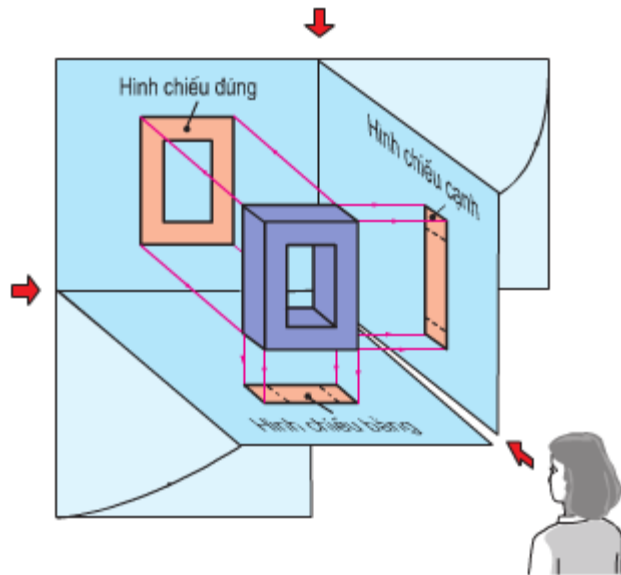
1. Các mặt phẳng chiếu



Hình 3. Các mặt phẳng chiếu

- Mặt chính diện: gọi là mặt phẳng chiếu đứng
- Mặt nằm ngang: gọi là mặt phẳng chiếu bằng
- Mặt cạnh bên: gọi là mặt phẳng chiếu cạnh

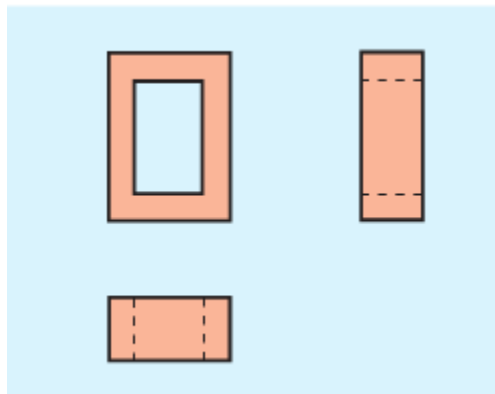
2. Các hình chiếu



Hình 4. Các hình chiếu

- Hình chiếu đứng có hướng chiếu từ trước tới
- Hình chiếu bằng có hướng chiếu từ trên xuống
- Hình chiếu cạnh có hướng chiếu từ trái sang

3. Vị trí các hình chiếu



Hình 5. Vị trí các hình chiếu

- Hình chiếu bằng ở dưới hình chiếu đứng
- Hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu đứng.

BÀI HỌC ÂM NHẠC KHỐI 8 –TUẦN 1

TIẾT 1: Học hát : Mùa thu ngày khai trường Nhạc và lời : Vũ Trọng Tường

1. Tìm hiểu bài hát

a. Tác giả:

- Nhạc sĩ Vũ Trọng Tường sinh ngày 04/9/1946 tại thị xã Hải Dương(nay là thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương) hiện cư trú tại Hà Nội



b. Tác phẩm:

- Bài hát viết ở nhịp 2/4
- Sử dụng kí hiệu: Dấu luyện, dấu chấm dôi, lặng đen, ...
- Bài hát chia làm 2 đoạn

2. Nội dung bài hát

Bài hát gợi lên cho chúng ta nhiều kỉ niệm đẹp, khó phai của tiếng trống vang lên rộn rã, nhộn nhịp một thời cắp sách đến trường.

MỸ THUẬT LỚP 8: Bài 1: Vẽ trang trí TRANG TRÍ QUẠT GIẤY

I. Quan sát, nhận xét

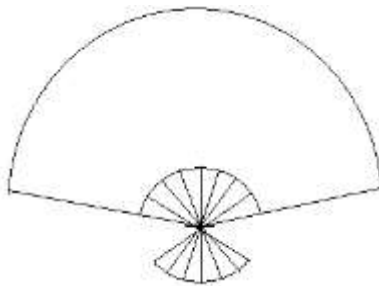


- Quạt có nhiều loại: quạt giấy, quạt nan, quạt mo,
- Quạt giấy có dạng nửa hình tròn, làm bằng nan tre bôi giấy hai mặt
- Quạt giấy dùng trong cuộc sống hàng ngày để quạt ; dùng trong biểu diễn nghệ thuật ; dùng để trang trí

II. Tạo dáng và trang trí

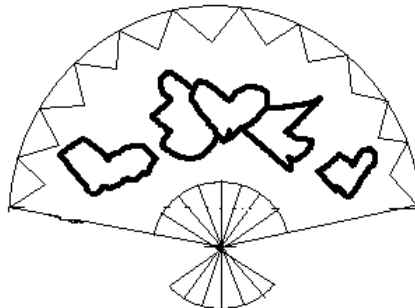
1. Tạo dáng

- + Dùng com pa quay hai nửa đường tròn đồng tâm có bán kính khác nhau
- + Dùng thước kẻ hai đường xéo lên 0,5cm
- + Vẽ các nan quạt

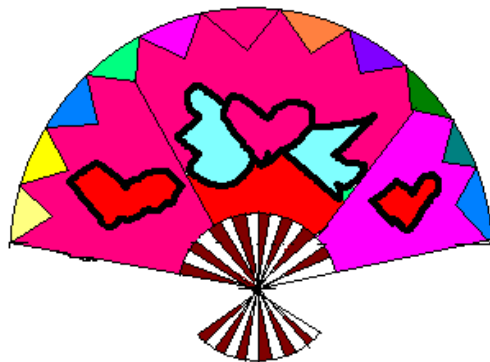


2. Trang trí

- Hình thức: đối xứng, không đối xứng, đường diềm
- Chọn họa tiết



Vẽ màu phù hợp



*GV giới thiệu cách trang trí quạt giấy: có nhiều cách: trang trí đối xứng hoặc không đối xứng bằng các học tiết hoa lá hình mảng, bằng tranh

III. Thực hành

Tạo dáng và trang trí quạt giấy theo ý thích

Tự làm QUẠT GIẤY ĐƠN GIẢN



ENGLISH GRADE 8

UNIT 1: MY FRIENDS

GETTING STARTED:

- a) They are playing soccer.
- b) The girls are studying / reading books.
- c) Two boys are playing chess.
- d) They are playing volleyball.

LISTEN AND READ:

- Seem (v.): dường như, có vẻ như
- ➔ Seem + to-V
- She **seems to be** happy
- Receive (v): nhận được
- **Receive (sth) + from (sb):** nhận đc cái gì đó từ ai

send (sth) + to (sb): gửi cái gì đó đến ai

- Next-door neighbor (n): người hàng xóm kế bên nhà
- ➔ Neighborhood (n): khu xóm
- Enough (liên từ, conj.): đủ
- **What does she look like?:** cô ấy trông như thế nào -> câu hỏi về hình dáng bên ngoài, ngoại hình
- Ex: What does he look like?
- What do they look like?
- What **is** she **like**? / What is he like? -> câu hỏi về tính cách (anh ấy tính cách như thế nào?)

READ:

- Character (n): tính cách = personality
- Sociable (adj): hoà đồng
- Generous (adj): hào phóng
- Volunteer (n / v): việc tình nguyện / làm việc tình nguyện
- Spend his free time doing -> **spend + thời gian + V-ing**
- Orphanage (n): trại trẻ mồ côi
- ➔ Orphan (n): trẻ mồ côi
- Reserved (adj): dè dặt, kín đáo (not talking much in public)
- Peace (n): sự yên bình, sự thanh bình
- Outgoing (adj): hoà đồng = sociable (friendly)
- Sense of humor (n): óc hài hước
- Annoy (v): gây khó chịu
- Jokes (pl.n): những câu chuyện hài

LANGUAGE FOCUS:

1. **SIMPLE TENSES**
2. **PRESENT SIMPLE TO TALK ABOUT GENERAL TRUTHS**
3. **(NOT) + ADJECTIVES + ENOUGH + TO-INFINITIVES**

1. PRESENT SIMPLE:

- Diễn tả những hành động lặp đi lặp lại hay thói quen

Ví dụ:

I get up at 6 a.m everyday. (Tôi thường thức dậy vào 6 giờ sáng hàng ngày)

- **Miêu tả lịch trình hoặc chương trình (ngụ ý tương lai)**

Ví dụ:

+) That film starts at 7.45 p.m (Bộ phim đó bắt đầu vào 7 giờ 45’’ buổi tối)

- **Miêu tả thực tế hoặc sự thực hiển nhiên**

Ví dụ:

+) People feel hot in summer. (Mọi người thường cảm thấy nóng vào mùa hè)

+) The sun rises in the east. (Mặt trời mọc đằng Đông)

- **Miêu tả các trạng thái ở hiện tại.**

Ví dụ:

+) I am hungry. (Tôi đói)

+) I am not happy. (Hiện giờ tôi không vui)

- **Sử dụng trong mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian tương lai bắt đầu với *as soon as, when, until, v.v.***

Ví dụ:

+) I will wait here until she comes. (Tôi sẽ chờ ở đây cho tới khi cô ta đến thì thôi)

+) Tell her that I will call as soon as she arrives home. (Nhắn với cô ấy rằng tôi sẽ gọi điện ngay khi cô ta trở về nhà)

+) My mom will allow me ride motorbike when I am old enough. (Mẹ sẽ cho phép tôi điều khiển xe máy ngay khi tôi đủ 18 tuổi)

2. ENOUGH:

Cách sử dụng của cấu trúc với enough

Cấu trúc với enough được dùng để diễn tả ý: cái gì đủ hoặc không đủ để làm gì.

Ví dụ:

I am tall enough to reach that shelf. (Tôi đủ cao để với tới cái giá đó)

She is not tall enough to play basketball. (Cô ấy không đủ cao để chơi bóng rổ)

⇒ Adj + enough + to-Vbare

⇒ (not) + adj + enough + to-Vbare

He ran fast enough not to miss the bus. (Anh ta chạy đủ nhanh để không bị lỡ chuyến xe bus đó)

⇒ Adv + enough + to-Vbare

I don't have enough money to buy that dress. (Tôi không có đủ tiền để mua chiếc váy đó) .

⇒ Enough + noun + to-Vbare

EXERCISES:

I. Choose the word /phrase (A, B, C or D) that best fits the blank space in each sentence.

1. I find Nam is not communicative. He's rather _____ in public.

a. reserved b. kind c. sociable d. humorous

2. Alexander G. Bell was born _____ March 3, 1847..

a. on b. at c. during d. in

3. She is wearing a _____.

- a. a red new pretty b. new pretty red c. pretty red new d. pretty new red
4. We ought _____ he wardrobe in the corner opposite the bed.
a. push b. put c. to push d. to put
5. He enjoys _____ to music while he's studying.
a. to listen b. listening c. listen d. to listening
6. It is dangerous to let children _____ in the kitchen.
a. play b. playing c. to play d. to playing
7. Lien is very shy but her friend is _____
a. reserved b. kind c. sociable d. humorous
8. He spends his free timebooks.
a. read b. reads c. to read d. reading
9. Her birthday is August 25th.
a. in b. on c. at d. about
10. Ia letter to my old friend last week.
a. sent b. send c. received d. took
11. Would you likeout for dinner tonight?
a. go b. went c. to go d. going
12. My sister doesn't have many friends. She is quite
a. generous b. kind c. sociable d. reserved
13. Hea letter from his old friend last week.
a. sent b. received c. gave d. took
14. Peter enjoysbooks in his free time.
a. read b. reading c. reads d. to read
15. Lien haschicken eggs everyday
a. to collect b. collecting c. collect d. collected
16. The earth _____ around the sun.
a. move b. moving c. moves d. to move
17. You seem _____ , Peter.
a. happy b. happiness c. happily d. happily
18. She isn't old _____ to be in my class
a. so that b. enough c. for d. that
19. My sister doesn't talk much in public. She is quite _____.
a. kind b. reserved c. sociable d. humorous
20. It takes a long time _____ a new language.
a. learn b. learns c. to learn d. learning
21. The movie sounded very
a. bore b. boringly c. boring d. boredom
21. Nam hatesto the market.
a. to go b. went c. go d. going
22. They'll arriveMonday , 14 July.
a. in b. at c. during d. on
23. A: Can I speak to Hoa, please? - B: _____

a. Yes, that's fine. b. I'm sorry. She's out. c. Yes, I'd love to. d. That's a good idea.

24. My brother isn't old enough _____ a car now. He is only 15.

a. drive b. driving c. drove d. to drive

25. She is _____. She lends me some money.

a. reserved b. sociable c. generous d. humorous

26. The ladder wasn't long enough _____ the window.

a. reach b. reached c. reaching d. to reach

II. Supply the correct verb form or tense

1. You must (**learn**) _____ your lessons before you (**go**) _____ to school every day.

2. Ba enjoys (**tell**) _____ jokes.

3. (Nam / buy) _____ a new fishing rod yesterday?

4. You should stop (**play**) _____ computer games.

5. He (receive) _____ letters from his sister every week.

III. Nối 2 câu sau, dùng cấu trúc (not) + adj + enough + to-infinitive

1. Mr. Roberts isn't rich. He can't buy a new house.

->

2. The radio isn't small. It can't be put in your pocket.

->

3. The ladder wasn't very long. It didn't reach the ceiling.

->

4. The fire isn't very hot. It won't boil a kettle.

->

5. Lan isn't strong. She can't swim across the river.

->

THẺ DỤC KHỐI 8: THẺ LỰC CHUNG

BÀI 1: CÁC ĐỘNG TÁC BỔ TRỢ KỸ THUẬT CHẠY CỤ LI NGẮN

- Luyện tập chạy bước nhỏ 1 phút 30 giây x 3 lần
- Chạy nâng cao đùi 1 phút 30 giây x 3 lần
- Chạy gót chạm mông 1 phút 30 giây x 3 lần

BÀI 2: CÁC ĐỘNG TÁC BỔ TRỢ KỸ THUẬT CHẠY BỀN

- Nhảy dây 5 phút x 3 lần

MÔN HOÁ HỌC LỚP 8

TUẦN 1 (TIẾT 1+2)

Tiết 1: MỞ ĐẦU MÔN HOÁ HỌC

1. Hoá học là gì?

Hoá học là khoa học nghiên cứu các chất, sự biến đổi chất và ứng dụng của chúng

2. Vai trò của Hoá học trong cuộc sống

- Vật dụng sinh hoạt: nồi, bát đĩa, quần áo, giày dép.....
- Trong nông nghiệp: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc bảo quản thực phẩm và nông sản ...
- Trong công nghiệp: sản xuất gang thép, dầu khí, ga, vải
- Trong y học: thuốc ...

Kết luận: Hoá học có vai trò quan trọng trong cuộc sống của chúng ta

3. Các em cần phải làm gì để học tốt môn hoá học

a) Khi học tập môn hoá HS cần thực hiện các hoạt động sau:

- Thu thập tìm kiếm kiến thức (bằng cách thu thập thông tin) từ việc quan sát thí nghiệm, hiện tượng trong cuộc sống, từ tư liệu
- Xử lý thông tin: Tự rút ra kết luận hoặc nhận xét, trả lời câu hỏi
- Vận dụng: Trả lời câu hỏi hay bài tập, đem những kiến thức đã học vận dụng giải thích các hiện tượng trong thực tiễn
- Ghi nhớ: Cần ghi nhớ chọn lọc những nội dung trọng tâm

b) Phương pháp học tập tốt môn hoá học

- Biết làm thí nghiệm, biết quan sát hiện tượng thí nghiệm
- Có hứng thú, yêu thích môn học, tích cực rèn luyện tư duy, suy luận bằng bài tập, câu hỏi
- Nhớ một cách chọn lọc kiến thức
- Tích cực chủ động đọc thêm sách

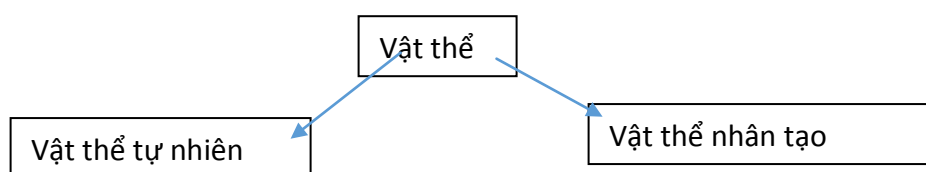
TIẾT 2: CHẤT

I. Chất có ở đâu?

Vật thể là những vật cụ thể ta có thể nhìn thấy hoặc cảm nhận được

+Vật thể tự nhiên: con người, động thực vật, sông ngòi, không khí....

+Vật thể nhân tạo: ấm đun nước, bình đựng nước, cửa sắt, quạt điện....



(gồm có)
↓
Một số chất

(được làm ra từ)
↓
Vật liệu
↓

Mọi vật liệu đều là **chất** hay hỗn hợp một số **chất**

Kết luận: *Chất có trong mọi vật thể, ở đâu có vật thể ở đó có chất*

II. Tính chất của chất

1. Mỗi chất có những tính chất nhất định

a) Tính chất vật lí

- Trạng thái, màu sắc, mùi vị
- Tính tan trong nước (hay một số chất lỏng khác)
- Nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy.
- Tính dẫn điện, dẫn nhiệt, tính dẻo
- Khối lượng riêng.

b) Tính chất hóa học.

Khả năng biến đổi chất này thành chất khác (phân hủy, tính cháy được...) là những tính chất hóa học

* Cách xác định tính chất của chất:

- Quan sát
- Dùng dụng cụ đo
- Làm thí nghiệm

2. Việc hiểu tính chất của chất có lợi gì?

- Giúp chúng ta phân biệt được chất này với chất khác, tức nhận biết được chất
- Biết cách sử dụng chất
- Biết ứng dụng chất thích hợp trong đời sống sản xuất.

III. Chất tinh khiết và hỗn hợp

1. Chất tinh khiết và hỗn hợp

- Chất tinh khiết : Chỉ gồm 1 chất (không lẫn chất khác)
- Hỗn hợp: Gồm nhiều chất lẫn với nhau.
- + Chất tinh khiết có tính chất vật lí và hóa học nhất định
- + Hỗn hợp có tính chất thay đổi(phụ thuộc vào thành phần của hỗn hợp)

2. Tách chất ra khỏi hỗn hợp

Để tách một chất ra khỏi hỗn hợp ta dựa vào sự khác nhau về tính chất vật lí

Luyện Tập

Bài 1: : Hãy phân biệt từ nào(những từ gạch chân) chỉ vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo hay chất trong các câu sau đây.

- a) Trong quả chanh có nước, axit xitric(có vị chua) và một số chất khác.
- b) Cốc bằng thủy tinh dễ vỡ so với cốc bằng chất dẻo.
- c) Thuốc đầu que diêm được trộn một ít lưu huỳnh.
- d) Quặng apatit ở Lào Cao có chứa canxi photphat với hàm lượng cao.
- e) Bóng đèn điện được chế tạo từ thủy tinh, đồng và vonfam(một kim loại chịu nóng, làm dây tóc).

f) Gạo chứa nhiều tinh bột nhất khoảng 80%, mì chứa khoảng 70%, khoai và các loại củ khác chứa ít tinh bột hơn.

g) Những viên đá quý hồng ngọc, sa phia được tạo nên từ những tinh thể nhôm oxit có lẫn dấu vết của các loại oxit kim loại khác.

h) Đường glucôzơ có nhiều nhất trong quả chín, đặc biệt trong quả nho chín.

Bài 2: Hãy phân biệt từ nào(những từ in đậm) chỉ vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo hay chất trong các câu sau đây.

a) **Lưỡi dao bằng sắt, cán dao bằng nhựa**

b) **Không khí gồm oxi, nitơ, khí cacbonic ...**

c) **Biển gồm nước, muối và một số chất khác**

d) **Khoai lang** chứa nhiều **vitamin A, B, C, E , protein, tinh bột, chất nhựa**, với các **axit amin**

e) Khi ăn một **trái cam**, **cơ thể người** được bổ sung **nước** với các chất bổ dưỡng như: **vitamin C, đường glucozo** cùng với **chất xơ**

g) Rất nhiều thiết bị điện như : **tivi, máy tính** thường chứa chất **Bromine** (chất chống cháy)

h) **Đường ăn** sản xuất từ **cây mía, củ cải đường**

Bài 3: Theo em nước máy và nước mưa có phải chất tinh khiết không? Giải thích?

Bài 4: Có hỗn hợp gồm: muối ăn và cát. Em hãy nêu cách tách muối ăn và cát ra khỏi hỗn hợp

Tuần 1 (6/9 – 10/9)

Môn: Vật lí

Lớp 8

CHỦ ĐỀ 1: CHUYỂN ĐỘNG CƠ HỌC

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu kiến thức:

Dạng 1: Làm thế nào để biết một vật chuyển động hay đứng yên?

- Khi nói vật này chuyển động hay đứng yên thì phải so sánh **vị trí**
- Muốn biết vật A chuyển động hay đứng yên so với vật B thì ta xem xét của vật A so với vật B. Nếu:
 - + Vị trí của vật A so với vật B theo thời gian thì ta nói vật A chuyển động so với vật B.
 - + Vị trí của vật A so với vật B theo thời gian thì ta nói vật A đứng yên so với vật B.

Ví dụ: Người ngồi trên xe đang chạy đứng yên hay chuyển động so với cây bên đường?

Người ngồi trên xe đang chạy đứng yên hay chuyển động so với tài xế?

Dạng 2: Tính tương đối của chuyển động:

Chuyển động của một vật có tính tương đối. Vật có thể chuyển động so với vật mốc này nhưng lại đứng yên so với vật mốc khác.

Nêu 2 ví dụ: +
+

Dạng 3: Quỹ đạo chuyển động:

..... mà một vật vạch ra trong không gian khi chuyển động gọi là chuyển động của một vật.

Một số dạng quỹ đạo thường gặp:

Ví dụ: +
+

Nội dung cần ghi nhớ:

I. Làm thế nào để biết một vật chuyển động hay đứng yên?

Để biết một vật chuyển động hay đứng yên ta dựa vào vị trí của vật đó so với vật làm mốc.

- *Khi vị trí của vật so với vật mốc thay đổi theo thời gian.*
- *Khi vị trí của vật so với vật mốc không thay đổi theo thời gian.*

Chuyển động cơ (gọi tắt là chuyển động) là sự thay đổi *vị trí* của một vật theo thời gian so với vật khác

II. Tính tương đối của chuyển động và đứng yên:

Một vật có thể đứng yên đối với vật mốc này nhưng lại chuyển động đối với vật mốc khác.

Chuyển động hay đứng yên có tính tương đối, tùy thuộc vào vật được chọn làm mốc.

III. Phân biệt chuyển động theo hình dạng quỹ đạo:

Đường mà vật vạch ra trong không gian khi chuyển động được gọi là quỹ đạo chuyển động của vật.

Theo hình dạng quỹ đạo, người ta phân biệt thành chuyển động thẳng và chuyển động cong. (Chuyển động tròn là một dạng của chuyển động cong)

Hoạt động 2: Vận dụng:

Trả lời các câu trắc nghiệm sau:

1. Chuyển động cơ học là:
 - A. Sự thay đổi khoảng cách của vật so với vật khác
 - B. Sự thay đổi phương, chiều của vật
 - C. Sự thay đổi vị trí của vật so với vật khác.
 - D. Sự thay đổi hình dạng của vật so với vật khác.
2. Để biết một vật chuyển động hay đứng yên thì ta so sánh
 - A. khoảng cách của vật đó so với vật mốc.
 - B. vị trí của vật đó so với vật mốc.
 - C. khoảng cách của vật đó so với Trái Đất.
 - D. vị trí của vật đó so với Trái Đất.
3. Để biết xe trên đường đang chạy hay đứng yên thì ta so sánh vị trí của xe với
 - A. hành khách trên xe
 - B. cây cối bên đường
 - C. xe khác đang chạy trên đường
 - D. chim đang bay trên trời
4. Một chiếc xe máy chở hai người đang chuyển động trên đường. Trong các câu mô tả sau, câu nào đúng?
 - A. Người cầm lái chuyển động so với chiếc xe
 - B. Người ngồi sau chuyển động so với người cầm lái
 - C. Hai người chuyển động so với mặt đường.
 - D. Hai người đứng yên so với yên xe.
5. Trong các ví dụ về vật đứng yên so với vật mốc sau đây, ví dụ nào là sai?
 - A. Trong chiếc đồng hồ đang chạy, đầu kim đứng yên so với mặt đồng hồ
 - B. Trong chiếc ô tô đang chuyển động, người lái xe đứng yên so với ô tô
 - C. Cái cặp để trên bàn đứng yên so với mặt bàn.
 - D. Trong chiếc xe buýt đang chạy, hành khách ngồi trên xe đứng yên so với tài xế.
6. Một chiếc ô tô đang chạy, người soát vé đang đi lại. Câu nhận xét nào sau đây là sai?
 - A. Hành khách đứng yên so với người lái xe
 - B. Người soát vé đứng yên so với hành khách.
 - C. Hành khách chuyển động so với nhà cửa bên đường.
 - D. Người lái xe chuyển động so với cây bên đường.
7. Có một ô tô đang chạy trên đường. Trong các câu sau, câu nào mô tả không đúng?
 - A. Ô tô chuyển động so với mặt đường.
 - B. Ô tô đứng yên so với người lái xe
 - C. Ô tô chuyển động so với người lái xe.
 - D. Ô tô chuyển động so với cây bên đường.
8. Trên toa xe lửa đang chạy thẳng đều, một chiếc va li đặt trên giá để hàng. Va li:

- A. Chuyển động so với thành tàu
 - B. Chuyển động so với đầu máy
 - C. Chuyển động so với người lái tàu
 - D. Chuyển động so với đường ray
9. Một ca nô đang chạy trên biển và kéo theo một vận động viên lướt ván. Vận động viên lướt ván chuyển động so với:
- A. Ván lướt
 - B. Ca nô
 - C. Khán giả
 - D. Tài xế ca nô
10. Để nhận biết một vật chuyển động hay đứng yên ta phải dựa vào vật làm mốc. Vật mốc:
- A. Phải là Trái Đất
 - B. Phải là một vật nào đó đứng yên so với mặt đất
 - C. Phải là một vật nào đó chuyển động so với mặt đất
 - D. Là trái đất hoặc một vật nào đó đứng yên hoặc chuyển động so với mặt đất.
11. Hành khách trên tàu A thấy tàu B đang chuyển động về phía trước, hành khách trên tàu B thấy tàu C chuyển động về phía trước. Vậy hành khách trên tàu A sẽ thấy tàu B:
- A. Đứng yên
 - B. Chạy lùi ra sau
 - C. Tiến về phía trước
 - D. Tiến về phía trước sau đó lùi về phía sau.

Tuần 1(6/9/2021 →11/9/2021)

Bài 1: BÀI MỞ ĐẦU

I. VỊ TRÍ CON NGƯỜI TRONG TỰ NHIÊN

- Loài người thuộc lớp thú
- Con người biết chế tạo và sử dụng công cụ lao động vào những mục đích nhất định, có tư duy, tiếng nói, chữ viết.

II. NHIỆM VỤ CỦA MÔN CƠ THỂ NGƯỜI VÀ VỆ SINH

- Cung cấp kiến thức về đặc điểm cấu tạo và chức năng của cơ thể người trong mối quan hệ với môi trường.
- Đề ra các biện pháp rèn luyện thân thể, phòng chống bệnh tật.

III. PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP CƠ THỂ NGƯỜI VÀ VỆ SINH

- Quan sát tranh ảnh mô hình tiêu bản...
 - Thí nghiệm
 - Vận dụng kiến thức kĩ năng vào thực tế cuộc sống
-

BÀI 2 : CẤU TẠO CƠ THỂ NGƯỜI

I. CẤU TẠO

1. Các phần cơ thể



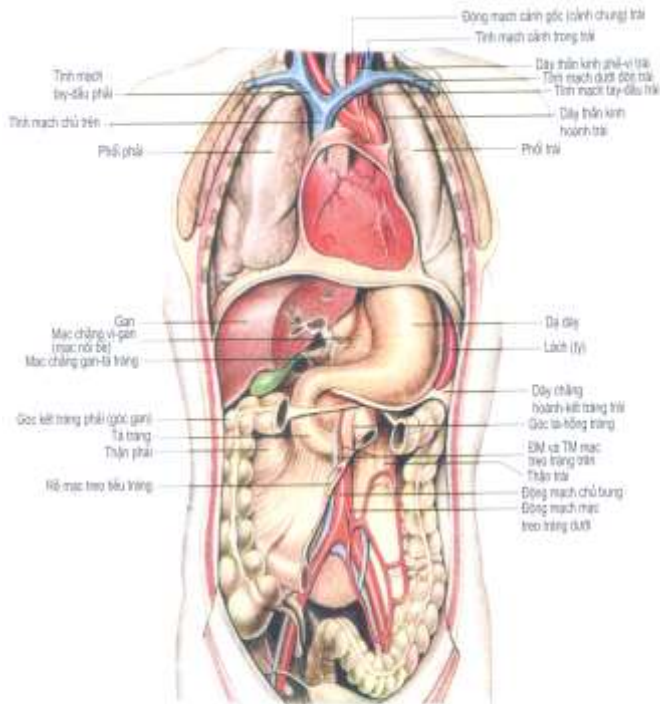
▼ Cơ thể người gồm mấy phần? Kể tên các phần đó?

Nội dung ghi bài:

Cơ thể người được chia làm 3 phần: đầu, thân và tay chân.

- Khoang ngực và khoang bụng được ngăn cách bởi cơ hoành
- Khoang ngực chứa tim, phổi
- Khoang bụng chứa dạ dày, ruột, gan, tụy, thận, bóng đái và cơ quan sinh dục

2. Các hệ cơ quan:



▼ Quan sát hình ghi nhận lại các hệ cơ quan, các cơ quan trong cơ thể người ?

Nội dung ghi bài:

- Cơ thể chúng ta có nhiều hệ cơ quan : Hệ vận động, hệ tiêu hóa, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ bài tiết, hệ thần kinh.
- Các cơ quan cùng phối hợp hoạt động thực hiện một chức năng nhất định của cơ thể.

Bài tập:

Nội các nội dung ở hai cột dưới bảng sau cho phù hợp.

Hệ cơ quan	Chức năng của hệ cơ quan
1. Hệ vận động	a. Vận chuyển chất dinh dưỡng, oxi tới các tế bào và vận chuyển các chất thải, CO_2 từ tế bào tới cơ quan bài tiết
2. Hệ tiêu hoá	b. Điều hoà, điều khiển hoạt động của các cơ quan trong cơ thể
3. Hệ tuần hoàn	c. Thực hiện trao đổi khí O_2 , CO_2 giữa cơ thể với môi trường
4. Hệ hô hấp	d. Lọc từ máu các chất thải để thải ra ngoài (bài tiết nước tiểu)
5. Hệ bài tiết	e. Vận động và di chuyển
6. Hệ thần kinh	f. Tiếp nhận và biến đổi thức ăn thành chất dinh dưỡng cung cấp cho cơ thể, hấp thụ chất dinh dưỡng

Lưu ý: HS ghi bài và làm bài tập vào vở, GV sẽ kiểm tra và đánh giá khi đi học trở lại.

Chương I: PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA CÁC ĐA THỨC

§1. NHÂN ĐƠN THỨC VỚI ĐA THỨC

* **Quy tắc:** Muốn nhân một đơn thức với một đa thức, ta nhân đơn thức với từng hạng tử của đa thức rồi cộng các tích với nhau.

$$A(B + C) = A.B + A.C$$

* **Ví dụ:** Làm tính nhân

$$\begin{aligned} \text{a) } 4x \cdot (2x^2 + 3x - 1) \\ = 4x \cdot 2x^2 + 4x \cdot 3x + 4x \cdot (-1) \\ = 8x^3 + 12x^2 - 4x \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } (4x^2 - 3x + 1) \cdot (-2x) \\ = 4x^2 \cdot (-2x) - 3x \cdot (-2x) + 1 \cdot (-2x) \\ = -8x^3 + 6x^2 - 2x \end{aligned}$$

* **Bài Tập:** Thực hiện phép tính:

$$\text{a) } 2x(x + 2) \quad \text{b) } (3x - 5)(-x) \quad \text{c) } -2x(3x^2 + 7x - 5)$$

$$\text{d) } \frac{2}{3}x^2y(3xy - x^2 + y)$$

§2. NHÂN ĐA THỨC VỚI ĐA THỨC

* **Quy tắc:** Muốn nhân một đa thức với một đa thức, ta nhân mỗi hạng tử của đa thức này với từng hạng tử của đa thức kia rồi cộng các tích với nhau.

$$(A + B) \cdot (C + D) = A.C + A.D + B.C + B.D$$

* **Ví dụ:** Thực hiện phép tính:

$$\begin{aligned} \text{a) } (2x + y)(x + 3) &= 2x \cdot x + 2x \cdot 3 + y \cdot x + y \cdot 3 \\ &= 2x^2 + 6x + xy + 3y \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } (x - 2)(6x^2 - 5x + 1) \\ = x \cdot 6x^2 + x \cdot (-5x) + x \cdot 1 + (-2) \cdot 6x^2 + (-2) \cdot (-5x) + (-2) \cdot 1 \\ = 6x^3 - 5x^2 + x - 12x^2 + 10x - 2 \\ = 6x^3 - 17x^2 + 11x - 2 \end{aligned}$$

• **Bài Tập:** Thực hiện phép tính:

$$\begin{aligned} \text{a) } (2x + 1)(x + 2) \quad \text{b) } (3x - 5)(x - 2) \\ \text{c) } (x^2 - 2x)(3x^2 + 7x - 5) \end{aligned}$$

$$\text{d) } \left(-\frac{2}{3}x^2y + 3\right)(3xy - x^2 + y)$$

LUYỆN TẬP

$$\begin{aligned} A.(B+C-D) &= A.B + A.C - A.D \\ (A+B).(C+D) &= A.C + A.D + B.C + B.D \end{aligned}$$

Bài 1: Thực hiện phép tính:

- a) $x(3x - 5)$
 b) $(x + 2)(x^2 + 3x - 5)$
 c) $-(2 + x)(x - 8)$
 d) $-(x + 3)(x^2 + 3x - 5)$

Bài 2: Rút gọn:

a) $x(3x - 5) + (x + 2)(x^2 + 3x - 5)$

Giải: $x(3x - 5) + (x + 2)(x^2 + 3x - 5)$
 $= 3x^2 - 5x + x^3 + 3x^2 - 5x + 2x^2 + 6x - 10$
 $= -4x + x^3 - 10$

b) $x^2(xy + 5) - (2 + x)(x - 8)$

c) $(x - 2)(x + 2) - (3x - 2)(3x + 2)$

Bài 3: Chứng minh rằng giá trị của các biểu thức sau không phụ thuộc vào giá trị của biến:

a) $(x - 5)(2x + 3) - 2x(x - 3) + x + 7$

Giải:

Ta có: $(x - 5)(2x + 3) - 2x(x - 3) + x + 7$
 $= 2x^2 + 3x - 10x - 15 - 2x^2 + 6x + x + 7$
 $= -8.$

Vậy giá trị của biểu thức không phụ thuộc vào biến x .

b) $(2x - 5)(2x + 3) - 2x(x - 3) - 2x + 7$

c) $(2x - 1)(2x + 1) - 4(x^2 + 1)$

Bài 4: Tìm x :

a) $(12x - 5)(4x - 1) + (3x - 7)(1 - 16x) = 81$

Giải:

$(12x - 5)(4x - 1) + (3x - 7)(1 - 16x) = 81$
 $48x^2 - 12x - 20x + 5 + 3x - 48x^2 - 7 + 112x = 81$
 $83x - 2 = 81$
 $83x = 83$
 $x = 1$
 Vậy $x = 1$

b) $x(5x^2 - 2) + 5x(1 - x^2) = 81$

c) $(x - 5)(x + 2) + (x + 1)(2 - x) = 15$

d) $(2x - 3)(x + 5) - (x - 2)(2x + 1) = 3$

.....